

Số: 781/KH-MNHP

Mạo Khê, ngày 15 tháng 11 năm 2024

KẾ HOẠCH
XÂY DỰNG TIÊU CHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG KẾT QUẢ
ỨNG DỤNG CNTT VÀO QUẢN LÝ VÀ DẠY HỌC
Năm học 2024 - 2025

Căn cứ công văn Số 1805/PGD&ĐT ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Phòng GD&ĐT Thị xã Đông Triều V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2023-2024;

Căn cứ Kế hoạch số 385/KH-MNHP ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Trường Mầm non Hoa Phượng về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2023-2024;

Căn cứ Kế hoạch số 634/KH-MNHP ngày 26/9/2024 của trường mầm non Hoa Phượng về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024 - 2025.

Để đánh giá kết quả và tạo động lực thi đua thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý và dạy học năm học 2024 - 2025 và những năm học tiếp theo của nhà trường, trường mầm non Hoa Phượng xây dựng tiêu chí tự đánh giá, xếp hạng kết quả ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý và dạy học của nhà trường cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU:

1. Mục đích:

Phản ánh tình hình thực tế kết quả ứng dụng CNTT cụ thể của nhà trường, của CBGV- NV trong trường nhằm tạo ra phong trào thi đua ứng dụng CNTT vào quản lý và dạy học, góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay. Nâng cao chất lượng dạy - học trong nhà trường. Giúp nhà trường đánh giá chính xác kết quả thực hiện nhiệm vụ CNTT hằng năm trên cơ sở theo dõi, tổ chức triển khai xây dựng, thực hiện hiệu quả các kế hoạch ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý và dạy học của trường, từng bước hiện đại hoá cơ sở hạ tầng thông tin. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của quản lý, của giáo viên, nhân viên để đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý và dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Kết quả tự đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT của trường vào hoạt động dạy học và quản lý, nhằm giúp nhà trường nhìn nhận đúng quá trình trong năm học để qua đó có biện pháp, kế hoạch khắc phục những tồn tại và duy trì, phát huy những điểm mạnh, đạt hiệu quả cao.

2. Yêu cầu:

- 100% CBGVNV trong toàn trường thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả.
- Kết quả tự đánh giá, xếp hạng dựa trên các minh chứng phù hợp với tiêu chí đánh giá mà nhà trường đã xây dựng.

II. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ DẠY HỌC:

1. Trình tự đánh giá cụ thể như sau:

(1) Nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá, xếp hạng. Thành phần Hội đồng gồm các đồng chí trong Hội đồng thi đua khen thưởng và các đồng chí kiêm nhiệm CNTT của nhà trường.

(2) Hội đồng tiến hành tổ chức thu thập các minh chứng và tiến hành đánh giá, xếp hạng giáo viên căn cứ vào kết quả thực hiện được so với chỉ tiêu phân bổ trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CNTT của trường hàng năm.

(3) Thông báo kết quả thống nhất trước Hội đồng nhà trường, lấy minh chứng lần 2 và hoàn thiện hồ sơ để báo cáo Phòng GD&ĐT.

2. Các yêu cầu khi đánh giá:

(1) Đáp ứng yêu cầu thông tin và các chỉ tiêu trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CNTT của trường hàng năm.

(2) Hội đồng tự đánh giá có các tài liệu kiểm chứng kèm theo để xác định mức độ tin cậy của việc đánh giá, chấm điểm.

(3) Số liệu báo cáo phải đầy đủ, chính xác, rõ ràng đảm bảo theo quy định.

(4) Sau khi Hội đồng tổ chức tự đánh giá sẽ gửi bảng tổng hợp kết quả đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần; các minh chứng liên quan kết quả ứng dụng CNTT của cá nhân về nhà trường để tổng hợp báo cáo phòng GD&ĐT...

(5) Hồ sơ bao gồm: Bảng nội dung đánh giá hoạt động ứng dụng CNTT hoàn thành mục điểm tự chấm (theo mẫu gửi kèm theo kế hoạch này); các minh chứng kèm theo. Tất cả đóng thành quyển xếp theo thứ tự.

III. XẾP LOẠI:

1. Xếp loại:

a. Loại xuất sắc:

+ Đối với CBQL: Đạt từ 80 điểm trở lên.

+ Đối với giáo viên: Đạt từ 60 điểm trở lên.

(Trong đó các tiêu chí 1.1.2; 1.1.3; 2.1; 2.1.2; 2.1.3; 2.1.4; 2.2; 2.4; 3.1 điểm tối đa, không có tiêu chí nào 0 điểm)

b. Loại tốt:

+ Đối với CBQL: Đạt từ 60 điểm trở lên.

+ Đối với giáo viên: Đạt từ 40 điểm trở lên.
(Trong đó các tiêu chí 1.1.2; 1.1.3; 1.2.1; 1.3; 2.2; 2.4 đạt điểm tối đa, không có tiêu chí nào 0 điểm)

c. Loại khá:

- + Đối với CBQL: Đạt từ 50 điểm trở lên.
- + Đối với giáo viên: Đạt từ 30 điểm trở lên.

d. Loại trung bình:

- + Đối với CBQL: Đạt từ 30 điểm trở lên.
- + Đối với giáo viên: Đạt từ 20 điểm trở lên.

2. BGH nhà trường:

- BGH nhà trường xây dựng tiêu chí tự đánh giá xếp loại kết quả ứng dụng CNTT của CBGVNV trong nhà trường, làm căn cứ xây dựng tiêu chí đánh giá, thi đua khen thưởng cá nhân CBGVNV trong trường năm học 2024 - 2025.

- Triển khai đến toàn thể CBGVNV trong nhà trường nhà trường. Hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện hướng dẫn này nhằm đảm bảo mục đích, yêu cầu, nội dung đề ra.

- Tổng hợp, thẩm định hồ sơ tự đánh giá kết quả ứng dụng CNTT trong hoạt động của nhà trường; căn cứ các tiêu chí đánh giá để tham mưu lãnh đạo Phòng GD&ĐT công nhận kết quả xếp hạng; căn cứ vào kết quả xếp hạng ứng dụng CNTT vào quản lý và dạy học để xem xét, đánh giá thi đua khen thưởng của nhà trường.

3. Trách nhiệm của CBGVNV:

- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch nhà trường đã xây dựng về nội dung tự đánh giá, xếp hạng kết quả ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý và dạy học của nhà trường.

- Nâng cao ý thức tự học, tự bồi dưỡng và áp dụng có hiệu quả ứng dụng CNTT vào công tác chăm sóc, giáo dục trẻ để đạt được kết quả cao.

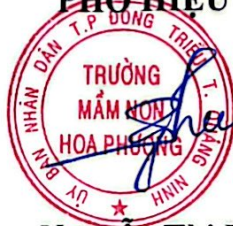
Trên đây là Kế hoạch xây dựng tiêu chí tự đánh giá, xếp hạng kết quả ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý và dạy học của trường mầm non Hoa Phượng. Đề nghị các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng và cán bộ, giáo viên, nhân viên nghiêm túc thực hiện./

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Phòng GD&ĐT (b/c)
- Tổ CM
- Lưu: VT, CNTT.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Mai Phương



BẢNG ĐÁNH XẾP HẠNG CBGV-NV HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo kế hoạch 781/KH- MNHP ngày 15/11/2023)

1. Ứng dụng CNTT trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và triển khai Chính phủ điện tử

TT	TIÊU CHÍ	PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	GHI CHÚ (Chứng Minh số liệu)
1	1.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Nhà trường.		6			
	1.1.1. Sử dụng các phần mềm quản lý CBGC-NV	Có sử dụng điểm tối đa, không sử dụng điểm 0	1			
	1.1.2. Sử dụng các phần mềm quản lý học sinh	Có sử dụng điểm tối đa, không sử dụng điểm 0	2			
	1.1.3. Sử dụng phần mềm xếp thời khóa biểu	Có sử dụng điểm tối đa, không sử dụng điểm 0	1			
	1.1.4. Sử dụng các phần mềm khác	Có sử dụng điểm tối đa, không sử dụng điểm 0	2			
	1.2. Chức năng Thông tin học sinh		13			
	1.2.1. Danh sách học sinh của lớp	Cập nhật đủ danh sách hs, thông tin học sinh và đánh giá học sinh theo theo giai đoạn (MG) cuối độ tuổi(NT) cập	5			

		<i>nhật thông tin về sức khỏe của trẻ.</i>				
	1.2.2. Tỷ lệ xác lập hệ thống nhấn tin với PHHS lớp					
	- Đạt 100%		4			
	- Từ 80% đến dưới 100%		3			
	- Từ 65% đến dưới 80%		2			
	- Từ 35% đến dưới 65%		1			
	- Dưới 35%		0			
	1.2.3. Xác lập được hệ thống nhấn tin nội bộ với CBGV, NV trong nhà trường	<i>Xác lập đủ, điểm tối đa. Thiếu từ 1 trở đi điểm 0</i>	2			
	1.2.4. Các hình thức khác (Hệ thống tin nhấn với các phụ huynh trưởng của lớp....)	<i>"có" điểm tối đa, "không có" điểm 0</i>	2			
	1.3. Thư điện tử		2			
	1.3.1. CBGVNV đơn vị thường xuyên sử dụng thư điện tử tên miền @dongtrieu.edu.vn trong công việc					
	- Ít nhất 1 lần/ngày		2			
	- Cách ngày		0			

2. Ứng dụng CNTT vào đổi mới hình thức, nội dung, phương pháp dạy và kiểm tra đánh giá

2	2.1. Tăng cường ứng dụng phòng học Kidsmart	<i>Có các hoạt động ứng dụng phòng học Kidsmart</i>	14			
----------	--	---	-----------	--	--	--

	trong giảng dạy (có Minh chứng) * điểm tối đa				
2.1.1. Tham gia đủ các buổi tập huấn CNTT về kỹ thuật		1			
2.1.2. Thực hiện kế hoạch dạy học trên phòng học					
- Đúng kế hoạch		4			
- Không đúng kế hoạch		0			
2.1.3. Sổ nhật ký	"Có" đạt điểm tối đa, không có đạt 0 điểm	1			
2.1.4. Học sinh	Sử dụng thành thạo, đạt điểm tối đa. Sử dụng chưa thành thạo điểm 0	4			
2.1.5. Giáo viên	Sử dụng thành thạo, đạt điểm tối đa. Sử dụng chưa thành thạo điểm 0	3			
2.1.6. Số chuyên đề sử dụng phòng học thông minh của Tổ Chuyên môn.	Điểm=số chuyên đề/số tổ chuyên môn	1			
2.2. Soạn duyệt giáo án online: Tỷ lệ giáo viên soạn online đúng quy định.		18			
- Thực hiện soạn, duyệt đúng quy định		8			
- Thực hiện soạn, duyệt đúng quy định từ 80% đến dưới 100%		6			
- Thực hiện soạn, duyệt đúng quy định Từ 65% đến dưới 80%		4			

- Thực hiện soạn duyệt không đúng quy định 50%		0			
2.3. Bài giảng powerpoint; E-learning		10			
Tham gia thiết kế bài giảng powerpoint; E-learning trong công tác giảng dạy					
- Thiết kế 30 bài / năm học		10			
- Thiết kế 20 bài đến dưới 30 bài/ năm học		8			
- Thiết kế 10 bài đến dưới 20 bài/ năm học		5			
- Thiết kế 5 bài đến dưới 10 bài/ năm học		1			
- Thiết kế dưới 5 / năm học		0			
2.4. Kỹ năng trình bày giáo án, văn bản đúng thể thức văn bản		10			
2.5. Số giờ dạy có ứng dụng CNTT		4			
2.5.1 Số giờ dạy có ứng dụng CNTT: Đạt 2 tiết /1 tuần		4			
2.5.2 Số giờ dạy có ứng dụng CNTT: Đạt 1 tiết /1 tuần		2			
2.6. Tham gia các cuộc thi qua mạng internet		5			
2.6.1. Cấp trường		2			
2.6.2. Cấp thị xã		3			
2.6.3. Cấp tỉnh		4			
2.6.4 Cấp Quốc gia		5			

3. Khai thác, sử dụng dạy học phần mềm tự do nguồn mở

TT	TIÊU CHÍ	PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	GHI CHÚ (Chứng Minh số liệu)
	31. Có các sản phẩm khoa học kỹ thuật, đồ dùng học tập tự làm có ứng dụng CNTT. phần mềm,....		4			
	- Có 01 sản phẩm		2			
	- Có từ 2 sản trở lên		4			
	3.2 Khai thác thường xuyên các nguồn liệu mở		4			

4. Triển khai hạ tầng và thiết bị Công nghệ thông tin, xây dựng trường học thông Minh, lớp học thông minh(Dành CBQL)

TT	TIÊU CHÍ	PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	GHI CHÚ (Chứng Minh số liệu)
	4.1. Cung cấp các thông tin lên website trường					
	4.1.1. Chức năng Quản lý bài viết: Tin tức hoạt động	Từ 4 tin/tháng điểm tối đa. Từ 2-3 tin/tháng ½ điểm Từ 0-1 tin/tháng 0 điểm	2			
	4.1.2. Chức năng Quản lý thư viện tài liệu		5			
	- Thư viện ảnh	Cập nhật đủ, tách biệt các	2			

	ảnh hoạt động trong năm, đạt điểm tối đa. bỏ 1 trừ $\frac{1}{2}$ điểm, bỏ từ 2 lần 0 điểm			
- Thư viện tài nguyên				
+ Từ 100 tài liệu		3		
+ Từ 80 đến dưới 100		2		
+ Từ 50 đến dưới 80		1		
+ Dưới 50		0		
4.1.3. Chức năng Lịch công tác	Cập nhật đủ lịch công tác theo ngày, điểm tối đa. Bỏ từ 1 lần điểm 0	2		

5. Công tác triển khai thực hiện ứng dụng CNTT của đơn vị (Dành cho CBQL)

TT	TIÊU CHÍ	PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH
5	5.1. Các biện pháp ban hành nhằm thúc đẩy việc ứng dụng CNTT tại đơn vị		14		
	5.1.1. Có đủ các kế hoạch chỉ đạo ứng dụng CNTT do phòng GD&ĐT yêu cầu (kế hoạch UD CNTT, PHTM ...)	Có đủ KH, điểm tối đa. Thiếu KH đạt $\frac{1}{2}$ điểm	2		
	5.1.2. Có phụ cấp ưu đãi cho cán bộ phụ trách CNTT (Cung cấp văn bản quyết	Có phụ cấp, điểm tối đa. Không phụ cấp điểm 0	3		

<i>định mức phụ cấp, bảng lương,)</i>					
5.1.3. Có ban hành văn bản hoặc chỉ đạo CBGV, NV tăng cường ứng dụng CNTT (Cung cấp văn bản chỉ đạo hoặc thông báo bằng văn bản kết luận của cuộc họp giao ban có nội dung này)	<i>Đầy đủ VB, điểm tối đa . "không có" điểm 0</i>	3			
5.2. Ban hành quy chế đánh giá, xếp loại việc ứng dụng CNTT của đơn vị, của đội ngũ CBGV, NV trong đơn vị	<i>Có ban hành, điểm tối đa; Không ban hành, điểm 0.</i>	4			
5.3. Có giải pháp sáng tạo đã ứng dụng vào thực tế đạt hiệu quả trong hoạt động của đơn vị, hoạt động chuyên môn	<i>có 1 giải pháp đạt 1đ; có từ 2 giải pháp đạt 2đ</i>	2			